

Họ và tên:

Lớp.....SBD.....

Giám thị 1:

Số phách:

Giám thị 2:

Điểm

Bằng số:

Bằng chữ:.....

Chữ kí người
chấm

1.....

2.....

Nhận xét của giáo viên

Kiến thức:.....

Kĩ năng:.....

Số phách

1

Listen and circle.

1

L O

2

T U

3

K H

4

N M

2

Listen and put a tick ✓.

1


☐
☐

2


☐
☐

3


☐
☐

4


☐
☐

5

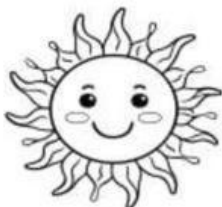

☐
☐

6


☐
☐

3

Listen and color.



Học sinh không được viết vào chỗ gạch chéo này.

4

Read and circle.

1. two mops.

a. There is

b. There are



2. three locks.

a. There is

b. There are



3. It's a

a. top

b. teddy bear



4. a duck.

a. There is

b. There are



5. Tony a teddy bear.

a. have

b. has



6. The monkey is the box.

a. in

b. under



5 ✓ or ✗

1.  The teddy bear is **under** the table. ☐

2.  The teddy bear is **on** the table. ☐

3.  This is a dog. ☐

4.  There are five mangoes. ☐

5.  There are nuts. ☐

6.  It's a lion. ☐

6 Complete the sentences with **lemons**, **three**, **is**, **clock**.

1  It's a	2  There are dogs.
3  There a mouse.	4  Tony has five